|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**    Số: /TTr-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2024 |

**TỜ TRÌNH**

**Dự án Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi:

* Quốc hội;
* Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 và điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và 06 nhóm chính sách khi đề xuất xây dựng luật đã được Quốc hội biểu quyết thông qua, Chính phủ trình dự án Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về vai trò của doanh nghiệp nhà nước; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Kết luận của Bộ Chính trị tại thông báo số 5863-CV/VPTW ngày 05/01/2023 và thông báo số 5979-CV/VPTW ngày 31/01/2023 của Văn phòng Trung ương về tổng kết tình hình thực hiện Thông báo số 40-TB/TW ngày 14/9/2017 của Bộ Chính trị về Đề án “Thành lập cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp”.

- Quốc hội XIV đã ban hành các Luật: Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Đầu tư công (Luật số 39/2019/QH14); Luật Doanh nghiệp (Luật số 59/2020/QH14); Luật Đầu tư (Luật số 61/2020/QH14); Luật Đấu thầu (Luật số 22/2023/QH15); Luật Đất đai (Luật số 31/2024/QH15) và định hướng sửa Luật Ngân sách nhà nước với một số nội dung có tác động, sửa đổi, điều chỉnh ảnh hưởng đến quy định tại Luật số 69/2014/QH13 hiện hành.

- Tại Điều 1.3 Mục B Chương I Phụ lục 2 Các cam kết/nhóm cam kết trong Hiệp định CPTPP được áp dụng trực tiếp khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam (kèm theo Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12/11/2018) quy định: “*Doanh nghiệp nhà nước nghĩa là doanh nghiệp được sở hữu, hoặc được điều hành thông qua phần quyền sở hữu, bởi một Bên*”. Điều 17.1 Hiệp định CPTPP: DNNN là doanh nghiệp mà Nhà nước trực tiếp sở hữu hơn 50% cổ phần; hoặc kiểm soát trên 50% quyền biểu quyết; hoặc giữ quyền chỉ định đa số thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý tương đương.

- Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội về chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2024 và điều chỉnh chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2025; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và 06 nhóm chính sách đề xuất xây dựng luật tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ kèm theo Tờ trình số 79/TTr-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính và Báo cáo số 257/BC-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ tiếp thu, giải trình một số nội dung về đề nghị bổ sung dự án Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất và Quốc hội biểu quyết thông qua.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13) cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo hành lang pháp lý cho việc đầu tư vốn nhà nước vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu đổi mới, hội nhập, cơ cấu lại doanh nghiệp có vốn nhà nước... Tuy nhiên, trong giai đoạn vừa qua, một số chủ trương, quan điểm chỉ đạo và hệ thống pháp luật có liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp có nhiều thay đổi; quá trình triển khai thực hiện Luật số 69/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn trong thực tế đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, chưa kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cần thiết phải được rà soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn và định hướng cơ cấu lại doanh nghiệp có vốn nhà nước trong thời gian tới được báo cáo tại Tờ trình số 79/TTr-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Tên, phạm vi điều chỉnh của Luật số 69/2014/QH13 bao gồm sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, dẫn đến chưa tách bạch, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng chủ sở hữu vốn của Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và chức năng quản trị hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, còn đồng nhất vốn và tài sản của doanh nghiệp có vốn Nhà nước là vốn tài sản của Nhà nước, can thiệp trực tiếp vào hoạt động quản trị của doanh nghiệp, còn có các quy định làm hạn chế quyền của doanh nghiệp, chưa tạo điều kiện và xây dựng hành lang pháp lý thống nhất để doanh nghiệp chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa đảm bảo *“lợi ích thì hài hòa, rủi ro thì chia sẻ”*, công bằng, thị trường.

Phạm vi điều chỉnh chưa bao gồm nội dung cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp (thực tế trong thời gian qua cũng như giai đoạn tới việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp chủ yếu thực hiện dưới hình thức cổ phần hóa), trong khi đó cơ chế cổ phần hóa mới được điều chỉnh bằng Nghị định của Chính phủ, một số quy định đã được thực hiện trong thời gian dài, có tính ổn định.

- Đối tượng áp dụng chưa bao gồm vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư dưới 100% vốn điều lệ; các doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước do các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp đầu tư vốn dẫn đến khoảng trống về pháp lý, việc tổ chức thực hiện còn nhiều lúng túng, không rõ nhiệm vụ, không đảm bảo thống nhất.

- Việc xác định nội hàm quản lý đối với vốn nhà nước đã đầu tư vào doanh nghiệp chưa được xuyên suốt, còn đồng nhất vốn, tài sản của doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư là vốn, tài sản của Nhà nước dẫn tới còn cách hiểu khác nhau, hoạt động can thiệp trực tiếp vào hoạt động quản trị của doanh nghiệp mà chưa đảm bảo thống nhất thông qua cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, người đại diện chủ sở hữu vốn để thực hiện các quyền của chủ sở hữu Nhà nước với vai trò là nhà đầu tư vốn vào doanh nghiệp. Quy trình, thủ tục báo cáo, phê duyệt còn nhiều tầng nấc, chưa phân cấp triệt để, phải được sự chấp thuận của nhiều cơ quan quản lý trong quyết định các vấn đề quản trị kinh doanh.

- Việc đổi mới căn bản, toàn diện trong công tác quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII chưa được thể hiện đầy đủ (tách bạch, phân định rõ chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước với chức năng quản lý nhà nước đối với mọi loại hình doanh nghiệp, chức năng quản trị kinh doanh của DNNN[[1]](#footnote-1)); việc xác định và tách bạch giữa vai trò của cơ quan quản lý nhà nước với vai trò của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp chưa rõ, còn quy định quản lý vốn theo pháp nhân doanh nghiệp dẫn đến các quy định mang tính hành chính can thiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc sử dụng vốn sau khi Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp chưa đảm bảo tính công bằng, còn can thiệp vào công tác điều hành của doanh nghiệp, chưa tiếp cận theo thông lệ quản trị thế giới theo hướng quản lý theo dòng vốn đầu tư (như việc cơ quan quản lý chủ sở hữu vốn cho ý kiến đối với việc quyết định huy động vốn của doanh nghiệp, quyết định đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp).

- Việc đầu tư vốn (bao gồm cả việc bổ sung và rút vốn) Nhà nước tại doanh nghiệp chưa được quy định cụ thể, chưa tạo tính chủ động, kịp thời, linh hoạt (như việc đầu tư vốn trong thời gian qua của Vietnamairline, các Ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước, Công ty đường sắt đô thị số 1 TPHCM). Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư vốn nhà nước đã cụ thể hóa theo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; tuy nhiên, thực tế còn bị bó hẹp, chưa phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, cần được nghiên cứu và thể chế hóa cho phù hợp. Quy mô đầu tư phát triển và sự tham gia của doanh nghiệp có vốn nhà nước vào các dự án trọng điểm quốc gia còn khiêm tốn, nhất là đầu tư vào các lĩnh vực mới như năng lượng sạch, tái tạo, hydrogen, công nghệ cao như sản xuất chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. Quá trình, quy trình đầu tư trực tiếp vốn từ ngân sách nhà nước vào doanh nghiệp gặp khó khăn, việc đầu tư bổ sung vốn cho doanh nghiệp được quy định của pháp luật ngân sách thuộc lĩnh vực chi đầu tư phát triển, chưa xác định rõ trong đầu tư công (Luật Đầu tư công xác định đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không thuộc đối tượng điều chỉnh, quy trình đầu tư công khác với đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp).

- Một số quy định liên quan đến hoạt động quản lý vốn tại doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư còn bất cập trong thực tiễn như việc doanh nghiệp cho vay đối với các doanh nghiệp có vốn góp của bản thân doanh nghiệp; thẩm quyền quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định của doanh nghiệp dựa vào giá trị vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính và tham chiếu mức vốn của dự án theo Luật Đầu tư công để phân cấp. Quá trình hoạt động của các doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư khi tiến hành cơ cấu lại các doanh nghiệp có vốn góp theo hình thức cổ phần hóa, sáp nhập, hợp nhất tại các doanh nghiệp gọp vốn đầu tư nhưng chưa có quy định quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư đối với các doanh nghiệp khác có vốn góp. Việc đánh giá xếp loại doanh nghiệp cũng như việc đánh giá bảo toàn vốn của doanh nghiệp được đánh giá chung trên kết quả hoạt động của doanh nghiệp và từng dự án đầu tư (phải có hiệu quả), trong khi đó doanh nghiệp xét trên tổng thể là có hiệu quả và còn phải thực hiện một số nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao, không vì mục tiêu lợi nhuận (các nhiệm vụ này thường có hiệu quả kinh tế không cao mà chủ yếu hiệu quả về mặt xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng). Năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ còn nhiều bất cập, còn lạc hậu so với xu thế phát triển; công tác điều hành quản trị kinh doanh chưa được đổi mới nhiều, chưa thực sự hướng theo các nguyên tắc, thông lệ quốc tế, phù hợp kinh tế thị trường hiện đại. Chế độ đãi ngộ, xử lý trách nhiệm còn mang tính hành chính nhiều, chưa tạo động lực gắn với trách nhiệm theo cơ chế thị trường, năng lực quản trị, đầu tư, triển khai dự án nói chung còn thiếu, yếu.

Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 100% vốn điều lệ, Luật số 69/2014/QH13 chỉ quy định một số nguyên tắc để cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn chỉ đạo thông qua người đại diện vốn để thực hiện quyền chủ sở hữu vốn, việc quản lý phần vốn góp tại những doanh nghiệp này cần được rà soát, bổ sung các quy định trong Luật. Cần quy định các nguyên tắc về quyền hạn và trách nhiệm cụ thể, rà soát bổ sung những quy định để đảm bảo quyền và lợi ích có liên quan như quy định về phân công, phân cấp cho doanh nghiệp và cơ quan chủ sở hữu vốn, về phân phối lợi nhuận sau thuế, về phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư... để thực hiện quyền, trách nhiệm của Nhà nước là thành viên/cổ đông tương ứng với tỷ lệ vốn góp tại doanh nghiệp.

- Một số chính sách đặc thù liên quan đến quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp còn phân tán, chưa tập trung trong Luật như: chính sách đặc thù đối với các doanh nghiệp quốc phòng an ninh được quy định tại Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 hướng dẫn Luật Doanh nghiệp; chính sách đối với các nông lâm trường quốc doanh được quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 hướng dẫn Kết luận của Bộ Chính trị về sắp xếp, đổi mới công ty nông lâm nghiệp (Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 và Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị).

- Về các cơ quan, tổ chức được phân công, phân cấp thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước do Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, UBND các tỉnh thành phố thực hiện khi chưa có Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (UBQLVNN) là cơ quan chuyên trách thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn, được thành lập từ năm 2018 và SCIC thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn tại các doanh nghiệp được chuyển giao từ các Bộ, ngành, địa phương. Các nội dung quy định thực hiện quyền, trách nhiệm của UBQLVNN là cơ quan chuyên trách chưa được quy định trong Luật (do Luật số 69/2014/QH13 được ban hành trước khi UBQLVNN được thành lập).

- Về quyền, trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong thực hiện quyền của chủ sở hữu vốn do Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý vốn cần được rà soát điều chỉnh cho thống nhất, phù hợp và đảm bảo phân công rõ, phân cấp mạnh cho cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn (bao gồm cả các Bộ, ngành, UBND các tỉnh) và cho doanh nghiệp, giảm các công việc sự vụ phải xem xét, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn phân công rõ, phân cấp mạnh, xác định rõ quyền, trách nhiệm và không làm hạn chế quyền của doanh nghiệp để tăng tính tự chủ cho Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành của doanh nghiệp có vốn nhà nước, qua đó hạn chế việc các cơ quan quản lý nhà nước làm thay cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn cũng như cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn làm thay doanh nghiệp.

Để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, xác định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước là lực lượng quan trọng, nòng cốt đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo các cân đối lớn, trước yêu cầu của thực tiễn quản lý, hội nhập quốc tế, nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trong Luật số 69/2014/QH13 và quá trình thi hành Luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất và Quốc hội thông qua việc ban hành Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thay thế Luật số 69/2014/QH13 là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT**

Căn cứ Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và các nội dung tại mục II, Tờ trình số 79/TTr-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính, nội dung Báo cáo số 257/BC-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ đã được Quốc hội thông qua khi đề xuất xây dựng Luật, nội dung cụ thể như sau:

**1. Mục đích**

Việc ban hành Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhằm cụ thể hóa chủ trương, đường lối chính sách của Đảng tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi Luật số 69/2014/QH13; hoàn thiện thể chế, ổn định môi trường pháp lý cho việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; tạo môi trường và hành lang pháp lý đầy đủ, ổn định cho hoạt động quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đảm bảo tôn trọng và nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp cùng việc tăng cường sự kiểm tra, giám sát của nhà nước trong quản lý, đầu tư vốn tại doanh nghiệp; đảm bảo doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường trong các ngành, nghề kinh doanh theo yêu cầu của Nhà nước (chủ sở hữu). Nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước tương xứng với nguồn vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước giữ vai trò chủ đạo, giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế; huy động và phát huy hết các nguồn lực của khu vực kinh tế nhà nước nói chung, doanh nghiệp nhà nước nói riêng cho phát triển kinh tế - xã hội.

**2. Quan điểm xây dựng Luật**

a) Thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới, cơ cấu lại và phát triển doanh nghiệp có vốn nhà nước phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; xác định rõ nội dung, nguyên tắc áp dụng Luật bảo đảm tránh chồng chéo, mâu thuẫn với các luật khác có liên quan.

c) Kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định pháp luật về quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp còn phù hợp với thực tế, có tác động tích cực đối với sự phát triển của doanh nghiệp có vốn Nhà nước; loại bỏ những quy định không còn phù hợp với thực tiễn; đồng thời luật hóa một số quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành hiện hành đã ổn định và phù hợp với thực tế.

d) Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính trong hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp gắn với việc phân công rõ, phân cấp mạnh cho cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn và doanh nghiệp. Tách bạch, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng đại diện chủ sở hữu vốn của Nhà nước và với hoạt động quản trị của doanh nghiệp đối với mọi loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước. Các Bộ, quản lý ngành thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về tham mưu xây dựng chính sách và ban hành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành; không can thiệp trực tiếp vào việc quản trị hoạt động, sử dụng vốn tại doanh nghiệp.

đ) Đảm bảo các nguyên tắc:

Doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư hoạt động bình đẳng theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, nhà nước không thực hiện quản lý pháp nhân doanh nghiệp, thực hiện vai trò là chủ sở hữu phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp (quản lý dòng vốn đầu tư), không can thiệp hành chính vào hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Vốn nhà nước sau khi đã đầu tư vào doanh nghiệp được xác định là tài sản/vốn của pháp nhân doanh nghiệp.

Nguồn lực nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp phải được quản lý thống nhất. Việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thông qua cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, đảm bảo nguyên tắc *“quyền sở hữu đi đôi với quyền kiểm soát”*, vốn nhà nước đầu tư phải được quản lý, giám sát, không phân biệt ngành nghề, lĩnh vực, tỷ lệ Nhà nước nắm giữ, cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp. Nhà nước đầu tư vốn tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu, những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư và những lĩnh vực ngành nghề phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước theo từng thời kỳ, đảm bảo linh hoạt, kịp thời; hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả đầu tư vốn và kế hoạch được cấp thẩm quyền giao cho doanh nghiệp làm tiêu chí đánh giá chủ yếu; doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng.

Sắp xếp, cơ cấu lại, đổi mới doanh nghiệp có vốn nhà nước theo cơ chế thị trường là quá trình thường xuyên, liên tục với phương thức, giải pháp thực hiện và lộ trình hợp lý[[2]](#footnote-2). Minh bạch hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát và trách nhiệm giải trình đối với hoạt động của doanh nghiệp; phòng ngừa thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước. Nâng cao trình độ, năng lực quản trị, phẩm chất đạo đức để kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp có vốn nhà nước. Tách bạch, phân định rõ chức năng cơ quan, người đại diện chủ sở hữu vốn với chức năng cơ quan quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gắn với đẩy mạnh phân công rõ, phân cấp mạnh thực hiện quyền chủ sở hữu vốn cho cơ quan đại diện vốn và lãnh đạo doanh nghiệp.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG LUẬT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Phạm vi điều chỉnh của Luật số 69/2014/QH13 có nội dung *“sử dụng vốn nhà nước”*, *“đầu tư vào sản xuất, kinh doanh”* thể hiện sự chi tiết, bó hẹp về cách tiếp cận, hạn chế tính tự chủ của doanh nghiệp trong việc sử dụng vốn, tài sản trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; còn thể hiện sự can thiệp hành chính của nhà nước vào hoạt động của doanh nghiệp; chưa minh định được “vốn nhà nước tại doanh nghiệp” và “vốn của doanh nghiệp”… chưa bao quát được công tác quản lý dòng vốn của nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Phạm vi điều chỉnh chưa bao gồm nội dung sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp (thực tế trong thời gian qua cũng như giai đoạn tới việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp chủ yếu thực hiện dưới hình thức chuyển doanh nghiệp 100% vốn thành công ty cổ phần - cổ phần hóa, sắp xếp và cơ cấu lại vốn), trong khi đó cơ chế cổ phần hóa được điều chỉnh bằng Nghị định của Chính phủ đã được thực hiện trong thời gian dài, mang tính ổn định.

Để thực hiện nguyên tắc: không trực tiếp quản lý pháp nhân doanh nghiệp, nhà nước chỉ quản lý dòng vốn đầu tư tại doanh nghiệp, doanh nghiệp hoạt động theo quy định của pháp luật doanh nghiệp; vốn nhà nước sau khi đã đầu tư vào doanh nghiệp được xác định là tài sản/vốn của pháp nhân doanh nghiệp; phân công rõ, phân cấp mạnh, cụ thể trong việc quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; việc doanh nghiệp sử dụng vốn để đầu tư, mua sắm tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do doanh nghiệp được quyết định; tách bạch, phân định với chức năng của chủ sở hữu vốn và doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, Nhà nước xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của mình đối với phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp, Nhà nước là chủ sở hữu đầu tư vốn, không can thiệp hành chính vào hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Doanh nghiệp được chủ động quyết định sử dụng vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư vốn; việc đầu tư vốn để kinh doanh nhằm mục đích bảo toàn, phát triển vốn và được thực hiện theo phân công rõ, phân cấp mạnh, cụ thể theo từng cấp quản lý; quy định rõ về thẩm quyền, trách nhiệm đối với vốn và tài sản của doanh nghiệp.

Do đó, cần thiết điều chỉnh phạm vi theo hướng không quy định cụ thể nội dung “*sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp*” đã quy định tại Chương III Luật số 69/2014/QH13 là phù hợp, khi Luật mới được ban hành việc sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp được quy định về nội dung *“đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp”* và được thể hiện trong các nội dung tại Chương III và Chương IV dự thảo Luật, đảm bảo không có khoảng trống pháp pháp lý đối với nội dung “*sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp*”. Đồng thời, các quy định về: huy động vốn; mua, bán, sử dụng tài sản cố định; quản lý nợ phải thu, phải trả được phân cấp giao cho doanh nghiệp chủ động và được quy định tại Chương II dự thảo Luật, nhằm xác định rõ Nhà nước là chủ sở hữu đầu tư vốn, không can thiệp hành chính vào hoạt động của doanh nghiệp; tăng cường phân công rõ, phân cấp mạnh gắn với trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp.

**2. Đối tượng áp dụng**

Luật số 69/2014/QH13 hiện hành đang theo hướng quy định nhà nước quản lý theo pháp nhân doanh nghiệp, không quy định đối tượng áp dụng là doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước tại các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp từ đó dẫn đến các quy định về sử dụng vốn, can thiệp hành chính vào trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, các doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp còn có sự lúng túng, chưa thống nhất trong tổ chức thực hiện. Nghị quyết số 12-NQ/TW đã xác định *Nhà nước thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước, cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp; thực sự đóng vai trò là nhà đầu tư, chủ sở hữu, bình đẳng về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm với các nhà đầu tư khác trong doanh nghiệp*.

Nhà nước cần xây dựng chính sách về chủ sở hữu vốn của nhà nước đầu tư và được quản lý theo dòng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, không quản lý pháp nhân của doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư hoạt động bình đẳng theo Luật Doanh nghiệp và vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp phải được quản lý, giám sát; vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Khi xây dựng chính sách đề xuất xây dựng Luật đã xác định đối tượng áp dụng bao gồm: (i) Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, người đại diện chủ sở hữu vốn; (ii) Doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư; (iii) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Về đối tượng xác định *“Doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư khác”:* Chính phủ đã trình UBTVQH/Quốc hội thông qua khi đề nghị xây dựng Luật xác định doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư khác là *doanh nghiệp có vốn đầu tư trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư trực tiếp 100% vốn điều lệ*.

Trong quá trình nghiên cứu cụ thể khi xây dựng dự thảo Luật cụ thể, để đảm bảo thống nhất với nguyên tắc nhà nước quản lý theo dòng vốn đầu tư và theo đúng phần vốn góp tại doanh nghiệp, Chính phủ đã thống nhất dự thảo Luật không đưa đối tượng *doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư khác* vào trong phạm vi điều chỉnh của Luật và được giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư chịu trách nhiệm. Theo đó, tại Điều 2 dự thảo về đối tượng áp dụng gồm: (1) Doanh nghiệp nhà nước theo quy định của luật doanh nghiệp, tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên (sau đây gọi là doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước); (2) Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, người đại diện chủ sở hữu vốn và tổ chức tín dụng có vốn đầu tư của nhà nước; (3) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO LUẬT**

Trong quá trình đề nghị xây dựng Luật, Chính phủ đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, hồ sơ theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật gồm: Tổng kết, đánh giá thi hành Luật số 69/2014/QH13 và lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật, lấy ý kiến rộng rãi các Bộ, ngành, các đối tượng tác động của Luật, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và tổng hợp báo cáo Chính phủ tại Tờ trình số 79/TTr-BTC ngày 17/4/2024, Chính phủ đã có Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và Báo cáo số 257/BC-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ.

Thực hiện Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 được Quốc hội thông qua ngày 08/6/2024, Chính phủ đã xây dựng hồ sơ dự án Luật theo đúng quy trình, quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự án Luật đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ban, ngành, doanh nghiệp, Văn Phòng Trung ương Đảng, các Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương và các tổ chức có liên quan; lấy ý kiến rộng rãi trên Công Thông tin của Chính phủ, Cổng Thông tin của Bộ Tài chính; đồng thời tổ chức nhiều cuộc Hội thảo, Tọa đàm lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia, các Bộ, ban, ngành, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT**

**1. Bố cục**

Dự thảo Luật gồm 08 chương và 62 điều gồm:

Chương I - Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 6): được cụ thể hóa nội dung quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và điểm 1, điểm 2 Mục III Tờ trình số 79/TTr-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính đã được Chính phủ thông qua khi đề xuất xây dựng Luật.

Chương II - Quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (từ Điều 7 đến Điều 15): được cụ thể hóa nội dung chính sách 1 tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và điểm c1.1, điểm c1.2 Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính đã được Chính phủ thông qua khi đề xuất xây dựng Luật.

Chương III - Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (từ Điều 16 đến Điều 24): được cụ thể hóa nội dung chính sách 2 tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính đã được Chính phủ thông qua khi đề xuất xây dựng Luật.

Chương IV - Hoạt động đầu tư của doanh nghiệp (từ Điều 25 đến Điều 32): được cụ thể hóa nội dung chính sách 3 tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính đã được Chính phủ thông qua khi đề xuất xây dựng Luật.

Chương V - Sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp (từ Điều 33 đến Điều 39): được cụ thể hóa nội dung chính sách 4 tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính đã được Chính phủ thông qua khi đề xuất xây dựng Luật.

Chương VI - Cơ quan, người đại diện chủ sở hữu vốn (từ Điều 40 đến Điều 45): được cụ thể hóa nội dung chính sách 5 tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính đã được Chính phủ thông qua khi đề xuất xây dựng Luật.

Chương VII - Giám sát, kiểm tra, thanh tra, đánh giá và báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (từ Điều 46 đến Điều 59): được cụ thể hóa nội dung chính sách 1 tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và điểm c1.3, c1.4 Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính đã được Chính phủ thông qua khi đề xuất xây dựng Luật.

Chương VIII – Hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp (từ Điều 60 đến Điều 62).

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật**

Dự thảo Luật đã bám sát vào mục đích, quan điểm chỉ đạo và cụ thể hóa nội dung 06 nhóm chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật đã được Chính phủ thông qua trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất và được Quốc hội thông qua ngày 08/6/2024 (Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024, Báo cáo số 257/BC-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ, Tờ trình số 79/TTr-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính), cụ thể như sau:

*Một là,* nhóm chính sách về quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Nội dung chính sách bao gồm: xác định cụ thể khái niệm vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, nội dung quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (cơ quan chuyên trách), các Bộ, UBND cấp tỉnh và cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn khác. Quy định cụ thể thẩm quyền về công tác nhân sự chủ chốt, chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh hàng năm, phương án cơ cấu lại và phương án phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất, kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng; lấy mục tiêu, nhiệm vụ tổng thể và hiệu quả đầu tư vốn làm tiêu chí đánh giá chủ yếu; Công bố, công khai thông tin, minh bạch hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát và trách nhiệm giải trình đối với hoạt động của doanh nghiệp.

*Hai là,* nhóm chính sách về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Nội dung chính sách bao gồm: xác định rõ nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp; xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, hình thức và nguyên tắc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Việc đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện thông qua cơ quan đại diện sở hữu vốn vào doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Xác định cụ thể thẩm quyền đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp với mục tiêu phân công rõ, phân cấp mạnh cho cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn và có sự giám sát của các cơ quan quản lý các cấp.

*Ba là*, nhóm chính sách về hoạt động đầu tư của doanh nghiệp. Nội dung chính sách bao gồm: xác định rõ hoạt động đầu tư của doanh nghiệp thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của doanh nghiệp theo phân công, phân cấp tại Luật này; xác định cụ thể từng hình thức đầu tư của doanh nghiệp, từ đó quy định rõ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư tương ứng với từng hình thức đầu tư. Xác định vai trò trung tâm và chịu trách nhiệm toàn diện của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn trong chỉ đạo và quản lý hoạt động đầu tư của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. Việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án của doanh nghiệp có vốn góp nhà nước được thực hiện thống nhất theo Luật này với vai trò chủ sở hữu vốn; sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, doanh nghiệp quyết định đầu tư và triển khai thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan, chịu trách nhiệm về quyết định và hoạt động đầu tư. Quy định rõ các trường hợp doanh nghiệp không được đầu tư vốn, đồng thời hướng dẫn trình tự, thủ tục việc phê duyệt chủ trương khi chuyển nhượng dự án.

*Bốn là,* nhóm chính sách về sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Nội dung chính sách bao gồm Luật hóa các nội dung phù hợp, ổn định, cập nhật, bổ sung các nội dung để khắc phục vướng mắc trong thực tế trong quá trình sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước trong thời gian qua; Luật hóa một số nội dung quy định mang tính chất nguyên tắc nhằm nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của pháp luật trong quá trình sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước, chuyển nhượng vốn nhà nước. Hướng dẫn rõ thẩm quyền thực hiện chuyển nhượng vốn, sắp xếp doanh nghiệp có vốn nhà nước. Đồng thời, thể chế hóa cụ thể nội dung Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 đối với các doanh nghiệp đang được giao quản lý, khai thác các công trình, dự án kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, khi cổ phần hóa. Thể chế hóa Kết luận của Bộ Chính trị số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp khi giải thể các công ty nông, lâm nghiệp[[3]](#footnote-3).

*Năm là,* nhóm chính sách về cơ quan, người đại diện chủ sở hữu vốn. Nội dung chính sách bao gồm: Phân công rõ, phân cấp mạnh thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước của các cơ quan chuyên trách, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quyền, nhiệm vụ sở hữu vốn. Quyền, trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong thực hiện quyền của chủ sở hữu. Quy định về trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, của cơ quan, người đại diện chủ sở hữu trước hoạt động giám sát của các cơ quan như Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao trách nhiệm của cơ quan, người đại diện chủ sở hữu vốn trong việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp nhằm phát huy tối đa nguồn lực, bảo toàn vốn, phù hợp với thực tiễn hoạt động, dự báo thị trường và quản lý theo mục tiêu đối với doanh nghiệp.

*Sáu là,* nhóm chính sách về quản trị doanh nghiệp, dự thảo Luật theo hướng không đưa các nội dung tại Chương IV của Luật Doanh nghiệp vào các Điều, khoản tương ứng. Theo đó, bỏ nội dung về “*Quản trị doanh nghiệp*”, đồng thời không quy định những nội dung tại chính sách 6 về quản trị doanh nghiệp khi đề xuất xây dựng chính sách. Riêng đối với việc quy định Chủ tịch Hội đồng thành viên không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty và doanh nghiệp khác hiện đang được quy định tại Điều 95 của Luật Doanh nghiệp, do vậy trường hợp cấp có thẩm quyền cho phép được kiêm nhiệm thì giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi.

Trên cơ sở mục tiêu, quan điểm chỉ đạo khi đề nghị xây dựng Luật nêu trên, nội dung dự thảo Luật bao gồm:

*a) Chương I - Những quy định chung* (từ Điều 1 đến Điều 6): được cụ thể hóa nội dung quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và điểm 1, điểm 2 Mục III Tờ trình số 79/TTr-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính; đồng thời, đề xuất điều chỉnh về đối tượng điều chỉnh như đã báo cáo tại điểm 2 phần III nêu trên. Theo đó, nội dung quy định tại Chương I gồm: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; việc áp dụng Luật với pháp luật liên quan, điều ước quốc tế; giải thích các từ ngữ sử dụng trong Luật; nguyên tắc, hành vi bị cấm.

Tại Điều 5 dự thảo về nguyên tắc quản lý và đầu tư vốn nhà nước quy định doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường; chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất, kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng; công bố, công khai thông tin và giải trình theo quy định; lấy mục tiêu, nhiệm vụ và hiệu quả đầu tư vốn làm tiêu chí đánh giá chủ yếu. Nhà nước thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp thông qua cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn và người đại diện chủ sở hữu vốn; vốn nhà nước sau khi đã đầu tư tại doanh nghiệp được xác định là tài sản, vốn của pháp nhân doanh nghiệp. Tách bạch, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước và của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; phân công, phân cấp việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn cho cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn và lãnh đạo doanh nghiệp; không làm hạn chế quyền của doanh nghiệp. Thống nhất quản lý, theo dõi vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp thông qua cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn; cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước chịu trách nhiệm quản lý vốn, hoạt động đầu tư kinh doanh, báo cáo và thực hiện kết luận giám sát, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, linh hoạt, kịp thời và phù hợp với định hướng của Nhà nước, phù hợp cơ chế thị trường theo hình thức, phương thức, giải pháp thực hiện và lộ trình hợp lý. Thực hiện công khai, minh bạch hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát và trách nhiệm giải trình đối với hoạt động của doanh nghiệp. Việc đánh giá, xếp loại đối với doanh nghiệp, người đại diện chủ sở hữu vốn và kiểm soát viên thực hiện theo mục tiêu, hiệu quả tổng thể, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch được giao, tuân thủ pháp luật và chế độ báo cáo. Phù hợp với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

*b) Chương II - Quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp* (từ Điều 7 đến Điều 15): được cụ thể hóa nội dung chính sách 1 tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và điểm c1.1, điểm c1.2 Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính đã được Chính phủ thông qua khi đề xuất xây dựng Luật. Theo đó, nội dung cơ bản quy định tại Chương II gồm:

*Một là,* xác định rõ nội dung quản lý vốn nhà nước (Điều 8); quy định cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ (Điều 9); quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh (Điều 10).

Các nội dung quy định nêu trên để tách bạch, phân định rõ chức năng chủ sở vốn với chức năng quản lý nhà nước, phân công rõ, phân cấp mạnh về công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, báo cáo, giải trình việc đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo hướng: ***Chính phủ thống nhất quản lý vốn đối với cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quản lý theo phần vốn tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước***. Thủ tướng Chính phủ thực hiện một số quyền của chủ sở hữu vốn tại một số doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước giữ vị trí, vai trò chủ đạo, then chốt, quan trọng quốc gia của nền kinh tế trong từng thời kỳ; giao cho cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ như một nhà đầu tư và bình đẳng như các nhà đầu tư khác; còn lại giao cho doanh nghiệp chịu trách nhiệm.

*Hai là,* xác định rõ nội dung quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; thực hiện phân công rõ, phân cấp mạnh và cụ thể các nội dung đầu tư vốn quan trọng, có số vốn đầu tư lớn, gắn với lựa chọn người quản lý vốn nhà nước đầu tư; trên cơ sở đó quy định cụ thể thẩm quyền về công tác nhân sự, chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh hàng năm và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. Cụ thể:

- Về công tác nhân sự (Điều 13):

+ Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thuê, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng thuê, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ giữ vai trò chủ đạo, giữ vị trí chen chốt của nền kinh tế, quản lý hạ tầng quan trọng quốc gia. Chính phủ quyết định danh sách cụ thể các doanh nghiệp trong từng thời kỳ (dự kiến như hiện nay gồm 07 doanh nghiệp: Công nghiệp viễn thông quân đội; Bưu chính viễn thông; Công nghiệp than khoáng sản; Dầu khí; Điện lực; Hóa chất, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; so với hiện nay **giảm 21 đầu mối** doanh nghiệp phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định).

+ Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định cử người đại diện chủ sở hữu vốn tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; Quyết định nhân sự giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Trưởng kiểm toán nội bộ tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ; Có ý kiến phê duyệt để người đại diện chủ sở hữu vốn biểu quyết quyết định nhân sự giữ chức danh nêu trên tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước từ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ.

- Về chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh hàng năm và cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (Điều 14):

+ Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước như đối với các doanh nghiệp quyết định về nhân sự nêu trên.

+ Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định phê duyệt chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh hàng năm và danh mục cơ cấu lại vốn tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý ngoài nội dung chiến lược kinh doanh các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; Có ý kiến phê duyệt để người đại diện chủ sở hữu vốn biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh hàng năm và danh mục cơ cấu lại vốn đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ.

+ Các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước hoạt động theo hình thức nhóm công ty gồm tập đoàn kinh tế, tổng công ty, công ty mẹ, công ty con phải xây dựng và được phê duyệt chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nghiệp còn lại không phải xây dựng và phê duyệt chiến lược kinh doanh.

- Về nguyên tắc, thứ tự phân phối lợi nhuận sau thuế (Điều 15):

+ Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ thực hiện phân phối theo nguyên tắc, thứ tự: (i) Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động trên cơ sở hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Riêng các doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, trường hợp không đủ nguồn từ lợi nhuận sau thuế được Nhà nước đảm bảo trích lập đủ 02 tháng lương thực hiện để lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động; (ii) Trích không quá 50% vào Quỹ Đầu tư phát triển để tại doanh nghiệp. Quỹ Đầu tư phát triển để tại doanh nghiệp sử dụng để đầu tư bổ sung vốn vào doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh, dự án tăng cường năng lực quản trị của doanh nghiệp. Số dư Quỹ Đầu tư phát triển để tại doanh nghiệp khi doanh nghiệp không có nhu cầu, chưa có kế hoạch sử dụng được nộp về ngân sách nhà nước, điều chuyển giữa các doanh nghiệp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; (iii) Sử dụng và trích lập các quỹ theo quy định của Luật chuyên ngành gồm: Luật Các tổ chức tín dụng; Luật Dầu khí; Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (iv) Phần còn lại sau khi sử dụng, trích lập các quỹ theo quy định nêu trên, doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước.

+ Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ thực hiện phân phối theo nguyên tắc, thứ tự: (i) Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động trên cơ sở hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao; (ii) Trích không quá 50% vào Quỹ Đầu tư phát triển để tại doanh nghiệp. Quỹ Đầu tư phát triển để tại doanh nghiệp sử dụng để đầu tư bổ sung vốn vào doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh, dự án tăng cường năng lực quản trị của doanh nghiệp; Số dư Quỹ Đầu tư phát triển để tại doanh nghiệp khi doanh nghiệp không có nhu cầu, không có kế hoạch sử dụng được nộp về ngân sách nhà nước tương ứng với tỷ lệ phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp; (ii) Sử dụng và trích lập các quỹ theo quy định của Luật chuyên ngành gồm: Luật Các tổ chức tín dụng; Luật Dầu khí; Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; (iv) Sau khi trích lập các quỹ theo quy định nêu trên, phần lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền tương ứng với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nộp vào ngân sách nhà nước.

*Đối với tỷ lệ trích lập Quỹ Đầu tư phát triển để tại doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế,* tiếp thu ý kiến cơ quan thẩm tra của Quốc hội tại Báo cáo số 2818/BC-UBPL15 ngày 10/5/2024 về Thẩm tra đề nghị bổ sung dự án Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp có ghi: *“Có ý kiến đề nghị cho phép trích tối đa không quá 50% lợi nhuận sau thuế”,* Chính phủ đề xuất trích tối đa 50% lợi nhuận sau thuế (ước tính số nộp ngân sách từ nguồn lợi nhuận, cổ tức được chia sẽ giảm 19.847 tỷ đồng/năm và doanh nghiệp được sử dụng nguồn này để bổ sung vốn điều lệ tương ứng là 19.847 tỷ đồng; theo số quyết toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 đã được Quốc hội phê chuẩn thì số nộp ngân sách từ cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp là 69.463 tỷ đồng).

*Đối với việc chi tiền lương, tiền thưởng của người do cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn cử, giới thiệu, thuê làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế*, tại điểm c1.2 Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính đã được Chính phủ thông qua khi đề xuất xây dựng Luật xác định bổ sung nội dung chi này theo đúng tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII[[4]](#footnote-4).

Tiếp thu ý kiến tham gia, dự thảo Luật không quy định nội dung, cơ chế chi trả tiền lương tại doanh nghiệp; sử dụng từ nguồn lợi nhuận sau thuế để chi trả tiền lương, tiền thưởng của người do cơ quan địa diện chủ sở hữu cử làm việc tại doanh nghiệp, khoản chi này do doanh nghiệp chi trả và thực hiện hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp.

*c) Chương III - Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp* (từ Điều 16 đến Điều 24): được cụ thể hóa nội dung chính sách 2 tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, nội dung cơ bản quy định tại Chương III gồm:

*Một là,* dự thảo Luật quy định vốn của nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (Điều 16) được xác định theo mức vốn do cơ quan đại diện sở hữu vốn đầu tư vào doanh nghiệp và doanh nghiệp đã ghi nhận đủ vốn tương ứng với tỷ lệ vốn góp tại điều lệ công ty và giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; doanh nghiệp thực hiện điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư của nhà nước theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền được quy định tại Luật này, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Xác định nguồn vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (Điều 17) bao gồm:

(1) Nguồn từ ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn khác gồm: Nguồn vốn tương ứng với giá trị tài sản đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước chuyển giao cho doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước tiếp nhận, quản lý, sử dụng và tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; Nguồn vốn tương ứng với giá trị tài sản đầu tư bằng các nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật có liên quan; tài sản nhà nước nhận chuyển giao sau khi đã xác lập thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về tài sản công giao cho doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước tiếp nhận, quản lý, sử dụng và tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; Giá trị chênh lệch tăng khi đánh giá lại tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

(2) Quỹ Đầu tư phát triển để tại doanh nghiệp; lợi nhuận, cổ tức được chia bằng cổ phiếu theo quyết định của cấp có thẩm quyền; giá trị thặng dư cổ phiếu (nếu có).

Những nội dung quy định nêu trên để khắc phục bất cập về khái niệm vốn nhà nước tại doanh nghiệp và vốn của doanh nghiệp cũng như nguồn vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp đang có sự chồng chéo, lẫn lộn, chưa được xác định cụ thể như báo cáo Tổng kết Luật số 69/2014/QH13 đã nêu.

*Hai là,* về phạm vi đầu tư vốn nhà nước, dự thảo Luật xác định cụ thể phạm vi nhà nước đầu tư vốn vào doanh nghiệp theo những lĩnh vực, ngành nghề, mục tiêu, yêu cầu đầu tư vốn (Điều 18) nguyên tắc đầu tư vốn nhà nước (Điều 19) hình thức đầu tư vốn vào doanh nghiệp (Điều 21) gồm (i) đầu tư bổ sung vốn là việc cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn thực hiện bổ sung vốn vào doanh nghiệp đã có vốn góp của nhà nước (ii) đầu tư vốn để thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ (iii) đầu tư vốn, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp là việc cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn thực hiện đầu tư vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc đầu tư vốn vào doanh nghiệp chưa có vốn góp của nhà nước để trở thành doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu:*“Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, tập trung giữ vững những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng về quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư..... bổ sung vốn điều lệ cho một số doanh nghiệp nhà nước then chốt quốc gia thuộc**4 lĩnh vực**Nhà nước đầu tư và nắm giữ vốn theo quy định.* Theo đó, trong thời gian qua Nhà nước chỉ đầu tư bổ sung vốn vào các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: (1) Cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội (2) Trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh (3) Lĩnh vực độc quyền tự nhiên (4) Ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế.

Việc quy định cụ thể phạm vi các ngành, lĩnh vực đầu tư vốn trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn trong việc Nhà nước đầu tư vốn vào doanh nghiệp nhằm thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, tái cơ cấu nền kinh tế, tái cơ cấu doanh nghiệp, đầu tư vào lĩnh vực hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp; kinh tế số; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa – xã hội; chưa đảm bảo nguyên tắc linh hoạt, kịp thời. Do vậy, khi dự thảo Luật lấy ý kiến xác định cụ thể phạm vi nhà nước đầu tư vốn vào doanh nghiệp theo những lĩnh vực, ngành nghề, mục tiêu, yêu cầu đầu tư vốn, theo đó Nhà nước đầu tư vốn vào doanh nghiệp nắm giữ những lĩnh vực quan trọng, then chốt, thiết yếu; những địa bàn trọng yếu và đảm bảo quốc phòng, an ninh; chuyển đổi nền kinh tế đất nước theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các - bon thấp; kinh tế số; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa - xã hội; phát triển những lĩnh vực, ngành nghề mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không có khả năng hoặc không đầu tư; đầu tư vốn vào doanh nghiệp để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quan trọng quốc gia; đầu tư vốn vào doanh nghiệp để dẫn dắt, thúc đẩy, tạo động lực phát triển cho nền kinh tế - xã hội; đầu tư vốn vào doanh nghiệp nhằm thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, tái cơ cấu nền kinh tế, tái cơ cấu doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước. Theo đó, Chính phủ đã đề nghị mở rộng phạm vi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp so với quy định tại Luật số 69/2014/QH13 hiện nay và Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017, đồng thời đề xuất trong quá trình sơ kết Nghị quyết 12-NQ/TW báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo sẽ được cập nhật điều chỉnh theo ý kiến kết luận của Bộ Chính trị.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến tham gia, Chính phủ xác định và trước mắt đề xuất dự thảo Luật thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 và Luật số 69/2014/QH13 hiện nay để quy định phạm vi đầu tư vốn (Điều 18) gồm: (i) Đầu tư thành lập doanh nghiệp vào Doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội; Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên; Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế *(như Luật số 69/2014/QH13 hiện nay)* (ii) Đầu tư bổ sung vốn vào doanh nghiệp mà Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cần nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực ngành nghề quan trọng, thiết yếu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ *(theo nội dung tại Nghị quyết số 12-NQ/TW)* (iii) Việc đầu tư vốn, bổ sung vốn tại doanh nghiệp do Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ đại diện chủ sở hữu vốn được thực hiện theo quy định của Chính phủ *(do bổ sung đối tượng trong dự thảo Luật).*

*Ba là*, về thẩm quyền đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, khi đề xuất chính sách quy định các trường hợp đầu tư phải có quyết định phê duyệt chủ trương với vai trò chủ sở hữu vốn trước khi quyết định thực hiện đầu tư đối với Quốc hội từ 15.000 tỷ đồng trở lên. Qua thảo luận, Chính phủ đề xuất điều chỉnh Quốc hội quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn vào doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước theo mức tương ứng với dự án quan trọng quốc gia theo quy định pháp luật. Chính phủ quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn vào doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài thẩm quyền của Quốc hội và quy định chi tiết trình tự, thủ tục, hồ sơ đầu tư bổ sung vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc phân cấp quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư vốn thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ.

Với những nội dung quy định nêu trên để khắc phục bất cập do Luật số 69/2014/QH13 hiện nay quy định theo hướng quản lý đối tượng là các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và thông qua người đại diện vốn để quản lý các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp… và quy định một số nội dung Quốc hội quyết định chủ trương thành lập doanh nghiệp, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư vốn nhà nước vào công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế nhà nước, doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và thực hiện dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư... đồng thời, Luật số 69/2014/QH13 cũng không quy định rõ, cụ thể về thẩm quyền đầu tư vốn vào doanh nghiệp cũng như thẩm quyền trong việc quyết định đầu tư dự án, theo đó chỉ quy định chung về thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu là *“xem xét, quyết định”* hoặc *“xem xét, phê duyệt”*, không quy định cụ thể việc quyết định, phê duyệt nội dung, mức vốn, tiêu chí từ đó dẫn đến các đơn vị thực hiện khác nhau, có rất nhiều vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện; đặc biệt phát sinh vướng mắc nhiều sau khi UBQLVNN được thành lập với nhiệm vụ là cơ quan chuyên trách quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

*d) Chương IV - Hoạt động đầu tư của doanh nghiệp* (từ Điều 25 đến Điều 32): được cụ thể hóa nội dung chính sách 3 tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, để tạo thuận lợi trong hoạt động đầu tư, tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, dự thảo Luật quy định các nguyên tắc (Điều 25), hình thức (Điều 26) và các trường hợp doanh nghiệp không được đầu tư vốn (Điều 27); thẩm quyền theo từng hình thức đầu tư vốn của doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước (từ Điều 28 đến Điều 32).

Với những nội dung quy định nêu trên nhằm khắc phục những quy định chưa cụ thể tại Luật số 69/2014/QH13 hiện nay về việc đầu tư, xây dựng, mua tài sản cố định của doanh nghiệp, đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và đầu tư ra nước ngoài. Về thẩm quyền, Luật số 69/2014/QH13 hiện nay đang giao Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định từng dự án đầu tư với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của [Luật Đầu tư công](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Luat-Dau-tu-cong-2014-238646.aspx" \t "_blank); trường hợp dự án đầu tư có giá trị lớn hơn do cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt. Đối với các dự án đầu tư ra nước ngoài, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định chủ trương; trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội thì Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ thì cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định đầu tư sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án. Theo đó, quy định hiện hành chưa thực sự đảm bảo phân cấp mạnh, giao quyền quyết định đầu tư cho doanh nghiệp; trong một số trường hợp Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn vẫn phải phê duyệt quyết định đầu tư thay vì giao quyền quyết định cho doanh nghiệp, chưa đảm bảo nguyên tắc Nhà nước là chủ sở hữu đầu tư vốn không can thiệp hành chính vào hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thường kéo dài không kịp thời. Cụ thể:

*Một là,* về nguyên tắc (Điều 25), Hoạt động đầu tư vốn của doanh nghiệp tuân thủ trình tự, thủ tục, thẩm quyền về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Luật này. Đảm bảo hoạt động đầu tư theo cơ chế thị trường, linh hoạt, cạnh tranh bình đẳng, công bằng, công khai theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm toàn diện về quyết định đầu tư vốn của doanh nghiệp. Hoạt động đầu tư của doanh nghiệp phải đáp ứng mục tiêu, yêu cầu, bảo toàn, phát triển và hiệu quả vốn đầu tư của nhà nước tại doanh nghiệp; đảm bảo phù hợp với chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các dự án đầu tư của doanh nghiệp phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo pháp luật đầu tư công được thực hiện theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền của pháp luật đầu tư hoặc pháp luật đầu tư công. Các dự án đầu tư của doanh nghiệp phải phê duyệt chủ trương đầu tư không thuộc đối tượng theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật đầu tư công được thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật này. Sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư theo quy định về pháp luật đầu tư, pháp luật xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Các dự án đầu tư của doanh nghiệp không thuộc phạm vi phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo pháp luật đầu tư và đầu tư công được thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật này. Sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư theo quy định về pháp luật đầu tư, pháp luật xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

*Hai là,* quy định các trường hợp doanh nghiệp không được đầu tư vốn (Điều 27) từ Nghị định đã được quy định ổn định trong thời gian qua như doanh nghiệp không được đầu tư vốn để thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản, trừ trường hợp được quy định tại khoản 14 Điều 12 Luật này; không được đầu tư vốn để thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, trừ doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán.

*Ba là,* quy định thẩm quyền theo từng hình thức đầu tư vốn của doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước (từ Điều 28 đến Điều 32), khi xây dựng chính sách đã đề xuất thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương dự án đầu tư trong nước với vai trò là chủ sở hữu vốn: Quốc hội quyết định phê duyệt chủ trương các dự án có tổng mức đầu tư từ 15.000 tỷ đồng trở lên; Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư từ 5.000 tỷ đồng đến dưới 15.000 tỷ đồng; Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định các dự án có tổng mức đầu tư từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 5.000 tỷ đồng và dự án đầu tư có tổng mức đầu tư từ 50% vốn điều lệ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. *Việc phân cấp nêu trên sẽ được nghiên cứu tiếp thu, điều chỉnh trong quá trình xây dựng Luật và chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.* Qua thảo luận và để đẩy mạnh phân cấp, Chính phủ xác định phân cấp như sau:

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định chủ trương dự án đầu tư của doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ thuộc nhóm A theo quy định của Luật Đầu tư công hoặc có tổng mức đầu tư bằng mức từ 50% vốn điều lệ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn có ý kiến để người đại diện vốn biểu quyết quyết định chủ trương dự án đầu tư của doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước từ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ thuộc nhóm A theo quy định của Luật Đầu tư công hoặc có tổng mức đầu tư bằng mức từ 50% vốn điều lệ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp quyết định phê duyệt và thực hiện dự án còn lại ngoài thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Căn cứ quyết định chủ trương dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền, doanh nghiệp quyết định dự án đầu tư và thực hiện đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư công, pháp luật đầu tư, pháp luật xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô đầu tư hoặc dẫn đến thay đổi cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư thì phải thực hiện thủ tục đề nghị phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật này.

- Về chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư (Điều 32), doanh nghiệp chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư cho doanh nghiệp, nhà đầu tư khác thực hiện theo quy định về pháp luật đầu tư và phải đảm bảo nguyên tắc cấp có thẩm quyền theo quy định tại Luật này quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án thì cấp đó quyết định chủ trương chuyển nhượng dự án đầu tư. Căn cứ quyết định chủ trương chuyển nhượng dự án đầu tư vốn, doanh nghiệp thực hiện định giá dự án theo quy định pháp luật về thẩm định giá làm cơ sở để xác định giá khởi điểm, thực hiện đấu giá công khai để chuyển nhượng dự án theo quy định của pháp luật về đấu giá.

Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư giữa các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ theo yêu cầu, nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo nguyên tắc chuyển giao do cấp có thẩm quyền quyết định; không phải thực hiện thẩm định giá để xác định giá trị dự án tại thời điểm chuyển nhượng, giá khởi điểm và đấu giá. Giao Chính phủ quy định chi tiết thẩm quyền chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp và trình tự, thủ tục, hồ sơ quyết định chủ trương chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp.

*đ) Chương V - Sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp* (từ Điều 33 đến Điều 39): được cụ thể hóa nội dung chính sách 4 tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính. Dự thảo Luật quy định các nguyên tắc (Điều 33); hình thức sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Điều 34); thẩm quyền theo từng hình thức sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp (từ Điều 35 đến Điều 39).

Theo đó, dự thảo Luật xác định quá trình sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp là quá trình thực hiện thường xuyên, liên tục trên cơ sở các doanh nghiệp đã và đang hoạt động. Đồng thời, đưa những nội dung có tính ổn định và thể chế hóa cụ thể nội dung Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 đối với các doanh nghiệp đang được giao quản lý, khai thác các công trình, dự án kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, khi chuyển nhượng vốn nhà nước; thể chế hóa Kết luận của Bộ Chính trị số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp khi giải thể các công ty nông, lâm nghiệp.

Với những nội dung quy định nêu trên nhằm khắc phục Luật số 69/2014/QH13 hiện nay chỉ quy định cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp dưới 03 hình thức và giao Chính phủ quy định hình thức cụ thể, nội dung, trình tự, thủ tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu theo các hình thức (i) Cổ phần hóa (ii) Bán toàn bộ doanh nghiệp (iii) Bán một phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp để chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Doanh nghiệp thực hiện sắp xếp lại theo các hình thức (i) Hợp nhất, sáp nhập, chia tách doanh nghiệp (ii) Giải thể, phá sản doanh nghiệp. Cụ thể:

*Một là,* về nguyên tắc, việc thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước đã đầu tư tại doanh nghiệp nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả đầu tư vốn tại doanh nghiệp; đảm bảo linh hoạt, kịp thời, phù hợp với cơ chế thị trường, đáp ứng yêu cầu quản lý vĩ mô nền kinh tế đối với từng ngành, nghề, lĩnh vực nhà nước đầu tư vốn trong từng thời kỳ; không thực hiện xác định trong giá trị doanh nghiệp khi chuyển nhượng phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với tài sản là các công trình, dự án kết cấu hạ tầng đang được giao doanh nghiệp quản lý, khai thác do Nhà nước đầu tư có ý nghĩa quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Việc quản lý, sử dụng đất của doanh nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

*Hai là,* quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo từng hình thức sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư (từ Điều 35 đến Điều 39) như sau:

- Về chuyển nhượng vốn nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định chuyển doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc chuyển nhượng phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. Việc chuyển nhượng vốn của nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị doanh nghiệp và giá khởi điểm làm cơ sở xây dựng và quyết định phương án chuyển nhượng phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp. Trường hợp phần vốn của nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được xác định trên vốn điều lệ tại thời điểm quyết định kế hoạch, lộ trình thực hiện chuyển nhượng vốn có giá trị từ 1.000 tỷ đồng trở lên, Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán việc xác định giá trị doanh nghiệp làm cơ sở xác định giá khởi điểm trước khi cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định công bố giá trị doanh nghiệp và giá khởi điểm.

Căn cứ kế hoạch, phương án chuyển doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc chuyển nhượng phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn tổ chức thực hiện theo quy định sau:

+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán thực hiện chuyển đổi, chuyển nhượng theo nguyên tắc thị trường, đấu giá công khai theo quy định về pháp luật đấu giá. Người lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ được ưu đãi mua phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và hỗ trợ giải quyết lao động dôi dư theo phương án của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn. Khi chuyển nhượng vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, thành viên hiện hữu của doanh nghiệp được quyền ưu tiên mua khi giá đặt mua bằng nhà đầu tư khác.

+ Đối với công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đã đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đảm bảo nguyên tắc giá bán không thấp hơn giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định kế hoạch, lộ trình thực hiện chuyển nhượng phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp.

Tiền thu được sau khi trừ các khoản chi trong quá trình chuyển đổi, chuyển nhượng phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp được nộp ngân sách nhà nước. Trên cơ sở kết quả chuyển nhượng phần vốn của nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Về hợp nhất, sáp nhập, chia, tách doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước được thực hiện theo quy định về pháp luật doanh nghiệp; bao gồm việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách giữa các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước hoặc giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước với doanh nghiệp không có vốn đầu tư của nhà nước. Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý; có ý kiến để người đại diện chủ sở hữu vốn biểu quyết quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước từ trên 50% vốn điều lệ đến dưới 100% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý.

- Về giải thể doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định giải thể doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp doanh nghiệp giải thể khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp). Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ là công ty nông, lâm nghiệp khi thực hiện giải thể được Nhà nước hỗ trợ đảm bảo kinh phí giải quyết các tồn tại tài chính khi mất khả năng thanh toán và chi phí giải thể khi tiền thu bán tài sản không đảm bảo thanh toán.

- Về phá sản, khi doanh nghiệp bị đề nghị phá sản theo quy định của Luật Phá sản, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định phê duyệt hoặc có ý kiến chủ trương phá sản doanh nghiệp và chỉ đạo người đại diện chủ sở hữu vốn thực hiện theo pháp luật về phá sản

- Việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đang đầu tư tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước giữa các cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn do Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt chủ trương.

*e) Chương VI - Cơ quan, người đại diện chủ sở hữu vốn* (từ Điều 40 đến Điều 45): được cụ thể hóa nội dung chính sách 5 tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính Theo đó, nội dung cơ bản quy định tại Chương VI gồm:

Dự thảo Luật quy định cụ thể các cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn (Điều 40), trong đó quy định UBQLVNN là cơ quan chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và xác định vị trí của SCIC là đơn vị trực thuộc UBQLVNN; quy định quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn (Điều 41 và Điều 42); quy định rõ tiêu chuẩn người đại diện chủ sở hữu vốn (Điều 43), việc cử người đại diện (Điều 44), trong đó quy định trường hợp có từ 02 người đại diện sở hữu vốn trở lên phải phân công 01 người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung nhóm người đại diện vốn tại doanh nghiệp; quy định về quyền, nghĩa vụ của người đại diện sở hữu vốn (Điều 45).

Với những nội dung quy định nêu trên nhằm cụ thể hóa và khắc phục Luật số 69/2014/QH13 hiện nay quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu là cơ quan, tổ chức được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý và thực hiện quyền, trách nhiệm đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Trong cơ cấu quản lý của UBQLVNN đang có SCIC cùng thực hiện tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước và quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh chuyển giao. Đồng thời, cụ thể hóa nội dung tại Nghị quyết số 12-NQ/TW về xác định Nhà nước thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước, cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp, bình đẳng về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm với các nhà đầu tư khác.

*g) Chương VII - Giám sát, kiểm tra, thanh tra, đánh giá và báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp* (từ Điều 46 đến Điều 59): được cụ thể hóa nội dung chính sách 1 tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và điểm c1.3, c1.4 Tờ trình số 79/TTr-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, nội dung cơ bản quy định tại Chương VIII gồm:

Dự thảo quy định về giám sát, kiểm tra, thanh tra (từ Điều 46 đến Điều 54) trong đó, xác định rõ từng chủ thể thực hiện như: giám sát tối cao của Quốc hội, giám sát và kiểm tra của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, kiểm tra và thanh tra của Chính phủ, giám sát và kiểm tra nội bộ của doanh nghiệp; quy định về đánh giá doanh nghiệp, người đại diện chủ sở hữu vốn, kiểm soát viên (từ Điều 55 đến Điều 57) trong đó quy định việc đánh giá được thực hiện đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ và người đại diện chủ sở hữu vốn, Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn cử, giới thiệu, thuê; việc đánh giá đảm bảo thận trọng, khách quan, công khai, minh bạch, đúng thời hạn, đánh giá dựa trên kết quả thực hiện kế hoạch nhiệm vụ được giao, chấp hành chính sách pháp luật, tuân thủ quy định về chế độ báo cáo, đánh giá theo mục tiêu và hiệu quả tổng thể, toàn diện; có loại trừ thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, tác động của yếu tố khách quan. Kết quả đánh giá doanh nghiệp để xếp loại doanh nghiệp làm cơ sở trích lập, chi Quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp và khen thưởng theo quy định. Kết quả đánh giá người đại diện chủ sở hữu vốn, kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn cử, giới thiệu, thuê là cơ sở để có ý kiến việc trích lập, chi Quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp; điều chỉnh nhiệm vụ, xếp loại đối với người đại diện chủ sở hữu vốn, kiểm soát viên và làm cơ sở để xem xét cử, giới thiệu, thuê, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và khen thưởng theo quy định. Quy định về báo cáo, công bố và công khai thông tin (từ Điều 58 đến Điều 59), trong đó quy định Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp do doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn thực hiện thẩm tra, phê duyệt, tổng hợp báo cáo gửi Bộ Tài chính, Bộ Tài chính thẩm tra, tổng hợp trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm. Hệ thống thông tin về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác.

*h) Chương VIII - Hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp* (từ Điều 60 đến Điều 62), cụ thể:

- Điều 60 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật gồm:

+ Bãi bỏ nội dung về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong quản lý và phát triển kinh tế: “*thực hiện chức năng chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật*” quy định tại Khoản 6 Điều 8 Luật Tổ chức chính phủ ngày 19/6/2015 do tại dự thảo Luật (khoản 2 Điều 9) đã xác định Chính phủ *thống nhất quản lý nhà nước về đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho cơ quan đại diện sở hữu vốn; phân công, phân cấp trong việc quản lý và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn tại doanh nghiệp*.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 60 Luật Xây dựng như sau:

“***2. Doanh nghiệp quyết định đầu tư dự án sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.*** *Đối với dự án sử dụng vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, giá trị quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để đầu tư xây dựng thì thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng được quy định như sau:*

*a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia;*

*b) Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật quyết định đầu tư dự án”*.

Việc bổ sung nội dung trên đảm bảo phân công, phân cấp mạnh theo tinh thần khi xây dựng dự thảo Luật này.

- Điều 61 về hiệu lực thi hành quy định Luật ngày có hiệu lực thi hành, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

# - Điều 62. Quy định chuyển tiếp hai nội dung sau:

+ Các thỏa thuận với các cổ đông chiến lược được tiếp tục thực hiện theo nội dung thỏa thuận cho đến khi hết hiệu lực của văn bản thỏa thuận. Trường hợp sửa đổi, bổ sung bất kỳ nội dung liên quan đến văn bản thỏa thuộc phải được thực hiện theo nguyên tắc, nội dung quy định tại Luật này.

+ Đối với các nội dung quy định tại Luật số 69/2014/QH13 *về huy động vốn; mua, bán, sử dụng tài sản cố định; quản lý nợ phải thu, phải trả* đã được cấp có thẩm quyền quy định, quyết định được tiếp tục có hiệu lực thi hành, thực hiện cho đến khi có quy định, quyết định theo quy định của Luật này.

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT**

Các nội dung dự thảo Luật nêu trên khi được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy trong tổ chức thi hành Luật; không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới. Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

Các nội dung dự thảo Luật đảm bảo tính tương thích với các Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam là thành viên đã cam kết như trong Hiệp định CPTPP được áp dụng trực tiếp khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam (kèm theo Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12/11/2018); trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

**VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (Không có)**

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

*Xin gửi kèm theo:*

*(1) Dự thảo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*(2) Báo cáo thẩm định; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;*

*(3) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật;*

*(4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý, bản chụp ý kiến tham gia của các đơn vị.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Ủy ban Tài chính Ngân sách của Quốc hội;  - Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tài chính;  - Lưu: VT, PL ( bản). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **KT. THỦ TƯỚNG**  **PHÓ THỦ TƯỚNG**      **Hồ Đức Phớc** |

1. Điểm 1 mục II về quan điểm chỉ đạo và mục tiêu của của Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017. [↑](#footnote-ref-1)
2. Quan điểm chỉ đạo tại điểm 1 mục II Nghị quyết 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp xác định: “*Cơ cấu lại, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo cơ chế thị trường là quá trình thường xuyên, liên tục với phương thức thực hiện và lộ trình hợp lý”*. [↑](#footnote-ref-2)
3. *Điểm 2.b Mục II: Quy định chi tiết về chính sách hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho các địa phương thực sự khó khăn trong cân đối ngân sách, nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thấp, không có khả năng cân đối từ ngân sách địa phương cho công tác đo đạc, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để hoàn thành việc sắp xếp công ty nông, lâm nghiệp; kinh phí hỗ trợ giải quyết các tồn tại về tài chính đối với các công ty nông, lâm nghiệp thực hiện giải thể nhưng mất khả năng thanh toán.* [↑](#footnote-ref-3)
4. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, nội dung cải cách đối với doanh nghiệp nhà nước đã xác định *phân định rõ tiền lương của người đại diện vốn nhà nước với tiền lương của ban điều hành; thực hiện nguyên tắc ai thuê, bổ nhiệm thì người đó đánh giá và trả lương. … Từng bước tiến tới thuê hội đồng thành viên độc lập và trả lương cho hội đồng thành viên, kiểm soát viên từ lợi nhuận sau thuế.* [↑](#footnote-ref-4)